

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



ĐỀ ÁN
TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC
DÙNG CHO VIỆT NAM

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2024

MỤC LỤC

Phần 1. Giới thiệu về Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	1
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	1
1.2. Sứ mạng, tầm nhìn	1
1.3. Kinh nghiệm tổ chức thi đánh giá năng lực đào tạo ngoại ngữ	2
1.3.1. Khoa Ngoại ngữ	2
1.3.2. Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học	2
Phần 2. Các điều kiện để tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ	3
2.1. Cán bộ chấm thi	3
2.2. Cán bộ ra đề thi	3
2.3. Cán bộ phân tích đề thi	3
2.4. Đội ngũ kỹ thuật viên.....	3
2.5. Môi trường sư phạm cho công tác tổ chức thi	4
2.6. Cơ sở vật chất và các phòng chức năng để tổ chức thi.....	4
2.6.1. Phòng thi	4
2.6.2. Trang thông tin điện tử phục vụ tổ chức thi	4
2.7. Ngân hàng câu hỏi thi	4
2.8. Phần mềm tổ chức thi.....	5
Phần 3. Định dạng đề thi, cách đánh giá, kế hoạch tổ chức thi	5
3.1. Dạng thức đề thi đánh giá năng lực bậc 2.....	5
3.1.1. Cấu trúc đề thi đánh giá năng lực bậc 2.....	5
3.1.2. Quy định về quy đổi điểm thi đánh giá năng lực ngoại ngữ bậc 2	7
3.2. Dạng thức đề thi đánh giá năng lực bậc 3, bậc 4, bậc 5	9
3.2.1. Cấu trúc đề thi đánh giá năng lực bậc 3, bậc 4, bậc 5	9
3.2.2. Quy định về quy đổi điểm thi sang các bậc năng lực	11
3.3. Kế hoạch tổ chức thi năm 2025.....	13
Phần 4. Cam kết thực hiện đề án	14

Phần 1. Giới thiệu về Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên tiếng Việt: Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh City Open University (HCMOU).

Website: <http://ou.edu.vn>

Trụ sở chính:

35 – 37 Hồ Hảo Hớn, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. HCM.

Tel: 028-38364748 **Fax:** (028)39300083

Cơ sở Võ Văn Tần

97 Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Cơ sở Nhà Bè

Khu dân cư Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.

Cơ sở Mai Thị Lựu

02 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Cơ sở 2 Long Bình

Đường số 9, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Cơ sở 3 Bình Dương

68 Lê Thị Trung, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Cơ sở 5 Ninh Hòa

Tổ dân phố 17, Phường Ninh Hiệp, Thị Xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa.

1.1 Lịch sử hình thành và phát triển:

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, thành lập năm 1990 và trở thành trường đại học công lập từ năm 2006, là trường đại học đa ngành trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đào tạo đại học và sau đại học, với các hình thức đào tạo chính quy, giáo dục thường xuyên và các điểm vệ tinh, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội và nâng cao đội ngũ khoa học - kỹ thuật cho đất nước. Trường bắt đầu từ Viện Đào tạo mở rộng, sau đó chuyển thành Đại học Mở Bán công vào năm 1993 và trở thành trường công lập vào năm 2006. Với sứ mệnh tạo cơ hội học tập cho mọi người, trường luôn phát triển các phương thức đào tạo linh hoạt, sáng tạo và năng động. Trường hướng tới trở thành một trường đại học công lập đa ngành hàng đầu tại Việt Nam, với định hướng ứng dụng và đào tạo từ xa phát triển ngang tầm khu vực Đông Nam Á.

1.2 Sứ mạng, tầm nhìn:

▪ Sứ mạng:

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giáo dục mở, tạo bình đẳng cho mọi người trong tiếp cận giáo dục đại học, góp phần xây dựng xã hội học tập, nâng cao tri thức và năng lực nghề nghiệp cho người học bằng các phương thức linh hoạt, thuận tiện và hiệu quả. Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh cũng chú trọng phát triển các chương trình đào tạo đa dạng, phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng học viên, giúp họ có thể học tập mọi lúc, mọi nơi.

▪ Tầm nhìn:

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh phấn đấu trở thành Đại học thực hiện giáo dục mở, định hướng ứng dụng với chất lượng cao.

1.3. Kinh nghiệm tổ chức thi đánh giá năng lực đào tạo ngoại ngữ

1.3.1. Khoa Ngoại ngữ

Khoa Ngoại ngữ, thành lập năm 1990, là một trong những khoa đầu tiên của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, chịu trách nhiệm quản lý ngành Ngôn ngữ Anh và các ngành ngôn ngữ khác. Khoa đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh từ năm 1993, với mục tiêu cung cấp cử nhân có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu xã hội và nền kinh tế hội nhập quốc tế. Sinh viên có thể làm việc trong các lĩnh vực như giảng dạy, dịch thuật, thương mại, du lịch, và tiếp tục học thạc sĩ hoặc tiến sĩ. Khoa cũng tham gia giảng dạy các chương trình thạc sĩ và tiến sĩ liên kết quốc tế. Các giảng viên đều có trình độ chuyên môn cao và nhiều năm kinh nghiệm. Ngoài tiếng Anh, Khoa còn giảng dạy các ngôn ngữ khác như Trung, Nhật, Hàn và cung cấp các chương trình thạc sĩ về tiếng Trung. Khoa tổ chức các bộ môn chuyên môn và có Tạp chí Khoa học đa ngành, trong đó lĩnh vực ngoại ngữ được công nhận và tính điểm cho các công trình nghiên cứu.

1.3.2. Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học

Trung tâm Đào tạo ngắn hạn và Ngoại ngữ - Tin học thuộc Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập vào năm 2022 và đổi tên thành Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học vào năm 2023. Trung tâm thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng, đào tạo ngoại ngữ, tin học và các khóa ngắn hạn khác, tổ chức kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học quốc gia cho học viên. Trung tâm cũng phối hợp với các địa phương để tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn về các lĩnh vực như kinh tế, thuế, và thương mại điện

từ. Trung tâm cung cấp các khóa học ngoại ngữ và tin học cho học viên hệ ngắn hạn và không chính quy. Cơ cấu tổ chức bao gồm giám đốc, phó giám đốc và các bộ phận học vụ, khảo thí, văn phòng.

Phần 2. Các điều kiện để tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ

2.1. Cán bộ chấm thi

Trường hiện có 21 cán bộ chấm thi được cấp Chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ chấm thi nói và viết tiếng Anh bậc 2 và bậc 3 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đáp ứng quy định trong thông tư 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29/09/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tổ chức khảo thí đánh giá năng lực khung 6 bậc tiếng Anh dùng cho Việt Nam.

2.2. Cán bộ ra đề thi

Trường hiện có 14 cán bộ ra đề thi được cấp Chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ ra đề thi theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đáp ứng quy định trong thông tư 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29/09/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Cán bộ phân tích đề thi

Trường hiện có 03 cán bộ cơ hữu tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành kiểm tra đánh giá đo lường trong giáo dục làm nhiệm vụ phân tích đề thi theo đáp ứng quy định trong thông tư 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29/09/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đội ngũ cán bộ phân tích đề thi của trường sẽ đảm nhiệm tốt công việc phân tích câu hỏi, nội dung đề thi theo các định dạng đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo đúng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.4. Đội ngũ kỹ thuật viên

Trường hiện có 15 cán bộ, nhân viên của trường có đủ trình độ, đáp ứng yêu cầu để sử dụng các thiết bị tin học, âm thanh, video phục vụ cho việc tổ chức thi và chấm thi, đáp ứng yêu cầu tại khoản 3 mục đ, điều 1 thông tư 24/2021/TT-BGDĐT.

Với đội ngũ kỹ thuật viên có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm tổ chức trong tổ chức thi, việc sử dụng các thiết bị tin học, âm thanh, video phục vụ cho công tác tổ chức thi và chấm thi đối với các kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh tổ chức sẽ đảm bảo tính minh bạch, khách quan.

2.5. Môi trường sư phạm cho công tác tổ chức thi

Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở học tập chính: 97 Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh) là một cơ sở giáo dục công lập đã được thành lập từ năm 1990. Khuôn viên của Trường có môi trường sư phạm an toàn cho công tác tổ chức thi bao gồm các tòa nhà khép kín được bảo vệ trực 24/24 và khu vực in sao đề thi biệt lập.

2.6. Cơ sở vật chất và các phòng chức năng để tổ chức thi

2.6.1. Phòng thi:

Trường có 3 phòng máy tính chuyên dụng có thể tổ chức thi đồng thời cho 120 thí sinh cùng lúc. Các phòng máy của trường được trang bị máy tính nối mạng nội bộ và nối mạng internet phục vụ nhu cầu giảng dạy, học tập và tổ chức thi ngoại ngữ kèm máy tính.

Tất cả các phòng thi đảm bảo được cách ly về âm thanh, có đủ ánh sáng, bàn ghế, hệ thống camera giám sát ghi lại được toàn bộ diễn biến của phòng thi, có đồng hồ dùng chung cho tất cả thí sinh theo dõi được thời gian làm bài.

Không thấy có đủ các thiết bị ghi âm, phát âm, ghi hình, phần mềm chuyên dụng đáp ứng yêu cầu tổ chức thi.

Có nơi bảo quản đồ đạc của thí sinh.

Có phòng làm việc của Hội đồng thi, trực thi, giao nhận đề thi và bài thi; có hòm tủ khóa để bảo quản bài thi và đề thi; 03 phòng thi được bố trí thành khu riêng biệt đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo mật và phòng cháy chữa cháy.

2.6.2. Trang thông tin điện tử phục vụ tổ chức thi

Trường hiện có trang thông tin điện tử để phục vụ tổ chức thi có địa chỉ là:

<http://vsteps.ou.edu.vn>

2.7. Ngân hàng câu hỏi thi

Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Trung tâm Khảo thí Quốc gia thực hiện.

2.8. Phần mềm tổ chức thi

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Trung tâm Khảo thí Quốc gia để triển khai phần mềm tổ chức thi tiếng Anh trên máy vi tính hoặc trường sẽ trang bị phần mềm của trường có sẵn. Phần mềm cho phép thi 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trực tiếp trên máy tính. Thời gian thi 4 kỹ năng sẽ được diễn ra trong một ngày. Các đặc điểm cơ bản của phần mềm như sau:

- Có giao diện thân thiện, dễ cài đặt, sử dụng, có khả năng ngắt kết nối với các ứng dụng và thiết bị bên ngoài không liên quan đến nội dung thi.

- Cho phép thí sinh tự đăng nhập vào phần mềm để làm bài thi bằng tài khoản cá nhân.

- Có phân hệ quản lý ngân hàng câu hỏi để cập nhật, bổ sung.

- Có chức năng tự động chọn ngẫu nhiên, đồng đều các câu hỏi ở các phần kiến thức khác nhau để tạo ra các đề thi trắc nghiệm tương đương nhau về độ khó từ ngân hàng câu hỏi thi.

- Thí sinh làm bài thông qua phần mềm cài đặt trên máy tính, mỗi thí sinh một đề riêng biệt được lấy từ ngân hàng đề thi.

- Phần mềm quản lý thời gian từng phần và quản lý thời gian tổng thể, khi thí sinh gặp sự cố phải đổi máy tính khác sẽ tiếp tục thời gian đã làm bài trước đó.

- Phần mềm cho kết quả chấm điểm 2 kỹ năng nghe và đọc. Riêng kỹ năng viết và nói có phân hệ quản lý việc cắt phách và giao nhận bài thi cho giáo viên chấm.

Phần 3 Định dạng đề thi, cách đánh giá, kế hoạch tổ chức thi

3.1 Dạng thức đề thi đánh giá năng lực bậc 2

Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (dành cho người lớn) được ban hành theo quyết định số 1481/QĐ-BGDĐT ngày 10/05/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.1.1 Cấu trúc đề thi đánh giá năng lực bậc 2

Kỹ năng thi	Mục đích	Thời gian	Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi	Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi
-------------	----------	-----------	-----------------------------	-------------------------------

Nghe	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó của bậc 2: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu giải thích.	Khoảng 25 phút, bao gồm thời gian 5 phút chuyển kết quả sang phiếu trả lời.	5 phần, 25 câu, trong đó có 15 câu hỏi nhiều lựa chọn và 10 câu điền từ vào chỗ trống.	Thí sinh nghe các đoạn thông báo ngắn, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, sau đó trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn và câu hỏi điền từ vào chỗ trống đã in sẵn trong đề thi
Đọc	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó bậc 2 đến bậc 3 thấp: hiểu từ vựng; đoán từ vựng trong ngữ cảnh, đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, định vị thông tin.	40 phút, bao gồm cả thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời	4 phần, 30 câu, trong đó có 15 câu hỏi nhiều lựa chọn, 8 câu ghép ứng với nội dung của các thông báo ngắn và 7 câu trả lời câu hỏi.	Thí sinh đọc các dạng văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 2 đến bậc 3 mức thấp với tổng số từ dao động từ 700-750 từ. Thí sinh lựa chọn câu trả lời đúng trong số các lựa chọn cho trước hoặc điền thông tin còn thiếu vào phiếu thông tin.
Viết	Kiểm tra kỹ năng viết câu và mệnh đề đơn giản, viết và trả lời thư, viết ghi nhớ, tin nhắn, lời nhắn, bưu thiếp.	35 phút	3 bài viết	<p>Phần 1: Thí sinh viết 5 câu hoàn chỉnh từ những cụm từ cho sẵn.</p> <p>Phần 2: Thí sinh viết một tin nhắn/một bản ghi nhớ trong công việc theo những yêu cầu cho sẵn.</p> <p>Phần 3: Thí sinh viết một bức thư /một bưu thiếp liên quan đến cuộc sống hàng ngày theo những yêu cầu</p>

				cho sẵn.
Nói	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: giao tiếp xã hội, trao đổi thông tin, khởi đầu, duy trì và kết thúc hội thoại, nêu ý kiến, giải thích ý kiến, gợi ý và trả lời gợi ý, miêu tả, so sánh.	10 phút (bao gồm 2 phút chuẩn bị)	4 phần	<p>Phần 1: <i>Chào hỏi</i></p> <p>Phần 2: <i>Tương tác xã hội</i></p> <p>Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. Thí sinh đặt tối đa 2 câu hỏi.</p> <p>Phần 3: <i>Miêu tả</i></p> <p>Thí sinh miêu tả người, đồ vật, hoặc môi trường sống, làm việc và học tập cụ thể.</p> <p>Phần 4: <i>Thảo luận</i></p> <p>Thí sinh được cung cấp một ý kiến và một gợi ý liên quan đến ý kiến. Thí sinh trả lời đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến và gợi ý đó.</p>

3.1.2 Quy định về quy đổi điểm thi đánh giá năng lực ngoại ngữ bậc 2

a. Cách tính điểm thi

- Mỗi kỹ năng thi: Nghe, Đọc, Viết, Nói được đánh giá hoặc quy đổi về thang điểm từ 0 đến 25.

- Điểm của bài thi được cộng từ điểm của mỗi kỹ năng thi, tối đa là 100 điểm, sau đó quy về thang điểm 10, làm tròn đến 0,5 điểm; được sử dụng để xác định mức Đạt hay Không đạt.

- Yêu cầu đối với mức Đạt: Có kết quả thi của cả 4 kỹ năng thi, tổng điểm của cả 4 kỹ năng đạt từ 6,5 điểm trở lên.

b. Mô tả năng lực ứng với điểm thi

Mức	Điểm	Mô tả tổng quát
Đạt bậc 2	>7,5	<p>Thí sinh có thể định vị và hiểu các chi tiết cơ bản như các số lớn, danh từ ghép liên quan tới các chủ đề quen thuộc như trường học hoặc mua sắm; có thể đoán nghĩa các từ vựng đơn giản trong ngữ cảnh; nhận ra thông tin được diễn giải rõ ràng theo cách khác, xác định được các kết luận chính hay lập luận trong văn bản được trình bày rõ ràng và có chủ đề quen thuộc. Thí sinh có khả năng thực hiện được các chức năng giao tiếp xã hội căn bản, có khả năng miêu tả và trao đổi ý kiến một cách ngắn gọn về các vấn đề cụ thể, quen thuộc trong các tình huống giao tiếp xã hội hàng ngày; có thể đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, khởi đầu, duy trì và kết thúc một cuộc hội thoại ngắn và đơn giản; có thể viết thư từ giao dịch hay thư từ cá nhân cung cấp thông tin hay diễn đạt những thông điệp tương đối chi tiết về các chủ đề quen thuộc. Thí sinh kiểm soát được từ ngữ cơ bản, cấu trúc đơn giản, thỉnh thoảng mắc lỗi nhưng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt.</p>
	6,5-7,5	<p>Thí sinh có thể định vị và hiểu được chi tiết cơ bản, dễ đoán trong các diễn đạt và các văn bản ngắn và đơn giản ở dạng nói và dạng viết thường xuyên được sử dụng trong các tình huống quen thuộc (ví dụ như các thông tin về cá nhân, gia đình, mua sắm, công việc); có thể thực hiện được các chức năng giao tiếp thông thường như chào hỏi, giới thiệu bản thân, đề nghị, mời mọc, cảm ơn cũng như mô tả và trao đổi được về những chủ đề quen thuộc trong các tình huống đơn giản trong đời sống hàng ngày. Thí sinh cũng có thể viết một cách ngắn gọn và đơn giản về các chủ đề gần gũi hàng ngày và sử dụng các cụm từ, các câu đơn và các công cụ liên kết câu cơ bản.</p>
Không đạt bậc 2	< 6,5	<p>Thí sinh có khả năng hiểu nhưng thường chưa đầy đủ các chi tiết về thời gian, số, tên riêng... trong các văn bản ngắn và đơn giản ở</p>

	<p>dạng nói và dạng viết thường xuyên được sử dụng trong các tình huống quen thuộc như thời gian biểu, các mẫu quảng cáo, các trao đổi hay thư từ cá nhân. Thí sinh có thể thực hiện được các chức năng giao tiếp xã hội căn bản như giới thiệu bản thân, cảm ơn, xin lỗi nhưng ngôn ngữ sử dụng rất hạn chế. Chiến lược giao tiếp mà thí sinh sử dụng (nếu có) chỉ ở mức đơn giản như đề nghị giám khảo nhắc lại yêu cầu hoặc câu hỏi khi không hiểu hoặc chưa hiểu rõ và diễn đạt điều mình muốn nói bằng ngôn ngữ cử chỉ hoặc biểu cảm khi không thể diễn đạt bằng ngôn từ. Thí sinh cũng có thể viết những cụm từ, câu tách biệt, ngắn về bản thân, nơi sống và công việc và có thể viết được bưu thiếp ở mức rất ngắn gọn, đơn giản; sử dụng được một số từ vựng cơ bản gồm các từ, cụm từ biệt lập thuộc các tình huống cụ thể cũng như sử dụng được một cách rất hạn chế một số cấu trúc ngữ pháp, mẫu câu, phương tiện liên kết,... Tuy nhiên, vẫn mắc nhiều lỗi sử dụng từ và cấu trúc cơ bản một cách hệ thống.</p>
--	---

3.2 Dạng thức đề thi đánh giá năng lực bậc 3, bậc 4, bậc 5

Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 3, bậc 4, bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được ban hành theo quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11/03/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2.1 Cấu trúc đề thi đánh giá năng lực bậc 3, bậc 4, bậc 5

Kỹ năng thi	Mục đích	Thời gian	Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi	Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi
Nghe	Kiểm tra các tiêu chí năng Nghe khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu ý kiến, mục đích của người nói và suy ra	Khoảng 40 phút, bao gồm thời gian chuyển các phương án đã chọn sang phiếu	3 phần, 35 câu hỏi nhiều lựa chọn	Thí sinh nghe các đoạn trao đổi ngắn, hướng dẫn, thông báo, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, bài giảng, sau đó trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn đã in sẵn trong đề thi.

	từ thông tin trong bài.	trả lời.		
Đọc	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó từ bậc 3 đến bậc 5: đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, đọc hiểu ý kiến, thái độ của tác giả, suy ra từ thông tin trong bài và đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.	60 phút, bao gồm thời gian chuyển các phương án đã chọn sang phiếu trả lời.	4 bài đọc, 40 câu hỏi nhiều lựa chọn	Thí sinh đọc 4 văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 3-5 với tổng số từ dao động từ 1900-2050 từ. Thí sinh trả lời các câu hỏi nhiều lựa chọn sau mỗi bài đọc.
Viết	Kiểm tra kỹ năng Viết tương tác và Viết luận (viết sản sinh).	60 phút	2 bài viết	<ul style="list-style-type: none"> - Bài 1: Viết một bức thư/ thư điện tử có độ dài khoảng 120 từ. Bài 1 chiếm 1/3 tổng số điểm của bài thi Viết. - Bài 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 250 từ về một chủ đề cho sẵn, sử dụng lí do và ví dụ cụ thể để minh họa cho các lập luận. Bài 2 chiếm 2/3 tổng số điểm của bài thi Viết.
Nói	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: tương tác, thảo luận và trình bày một vấn đề.	12 phút	3 phần	<ul style="list-style-type: none"> - Phần 1: Tương tác xã hội Thí sinh trả lời 3-6 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. - Phần 2: Thảo luận giải pháp

				<p>Thí sinh được cung cấp một tình huống và 3 giải pháp đề xuất. Thí sinh phải đưa ra ý kiến về giải pháp tốt nhất trong 3 giải pháp được đưa ra và phản biện các giải pháp còn lại.</p> <p>- Phần 3: Phát triển chủ đề</p> <p>Thí sinh nói về một chủ đề cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển ý của riêng mình. Phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên.</p>
--	--	--	--	---

3.2.2. Quy định về quy đổi điểm thi sang các bậc năng lực

a. Cách tính điểm thi

- Mỗi kỹ năng thi: Nghe, Đọc, Viết và Nói được đánh giá trên thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến 0,5 điểm.

- Điểm trung bình của 4 kỹ năng, làm tròn đến 0,5 điểm, được sử dụng để xác định bậc năng lực sử dụng tiếng Anh.

b. Bảng quy đổi điểm thi sang các bậc năng lực

Điểm trung bình	Bậc năng lực	Mô tả tổng quát
Dưới 4,0	Không xét	Không xét khi sử dụng định dạng đề thi này.

<p>4,0 – 5,5</p>	<p>3</p>	<p>Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực về câu từ, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí, v.v... Có thể xử lí hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng tiếng Anh. Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lí do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.</p>
<p>6,0 – 8,0</p>	<p>4</p>	<p>Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kĩ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên đạt đến mức các giao tiếp thường xuyên này với người bản ngữ không gây khó khăn cho cả hai bên. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề có tính thời sự, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.</p>
<p>8,5 – 10</p>	<p>5</p>	<p>Có thể hiểu nhiều loại văn bản khó, dài, và nhận biết được hàm ý. Có thể diễn đạt lưu loát, tức thì, và không thể hiện rõ rệt việc phải tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng sử dụng tốt các kiểu tổ chức văn bản, liên từ và các phương tiện liên kết.</p>

3.3. Kế hoạch tổ chức thi năm 2024

3.3.1. Lịch thi (nếu số lượng đăng ký dự thi đạt yêu cầu để tổ chức hội đồng thi) dự kiến như sau:

TT	Thứ	Ngày thi	Ghi chú
1	Thứ bảy và Chủ nhật	29 & 30/03/2025	
2	Thứ bảy và Chủ nhật	12 & 13/04/2025	

3.3.2. Địa điểm thi:

Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh, 97 Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3.3. Đối tượng dự thi:

Tất cả các đối tượng có nhu cầu.

3.3.4. Đăng ký dự thi:

- Thí sinh đăng ký trực tiếp tại Văn phòng Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học của Trường Đại học Mở Tp.Hồ Chí Minh, 97 Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh để nộp hồ sơ và đóng lệ phí thi.

- Hồ sơ đăng ký dự thi bao gồm:

+ Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu).

+ 1 bản sao có công chứng: chứng minh nhân dân, hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu.

+ 2 ảnh 4x6 chụp không quá 06 tháng.

3.3.5. Danh sách phòng thi:

Trước ngày thi 3 ngày, thí sinh xem danh sách phòng thi và số báo danh tại website <http://vsteps.ou.edu.vn>

3.3.6. Kết quả thi:

Thông báo tại website sau 14 ngày làm việc kể từ ngày thi.

3.3.7. Thông tin liên hệ:

- Trực tiếp tại: Phòng 215 (lầu 2) – Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh, 97 Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh.

- Website: <http://vsteps.ou.edu.vn>

- Email: tt_ngoaingu@ou.edu.vn

- Điện thoại: 0283 9300 083

Phần 4. Cam kết thực hiện đề án

Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh cam kết thực hiện việc tổ chức thi đánh giá năng lực và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

NGUYỄN MINH HÀ